

CHỦ TRƯỞNG "HỘI NHẬP QUỐC TẾ" QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI CỦA ĐẢNG

ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền^(*)

Dại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thành công, là một sự kiện chính trị có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đời sống chính trị - xã hội của đất nước trong năm đầu tiên của thập niên thứ hai, thế kỷ XXI. Thành công nổi bật của Đại hội là đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng định hướng cho sự phát triển của Việt Nam trong những năm sắp tới. Đó là, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Báo cáo Chính trị, Điều lệ Đảng*. Các văn kiện này là sự kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn của 25 năm đổi mới để tiếp tục phát triển, hoàn thiện đường lối trong giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta. Nhiều nội dung trong

văn kiện là sự tiếp nối, bổ sung và phát triển những chủ trương, đường lối của Đảng ta qua các kỳ đại hội trước đây. Trong đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, vấn đề hội nhập quốc tế (HNQT) đã được phát triển ở một nấc thang cao hơn, từ "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế"⁽¹⁾ nay được phát triển thành "chủ động và tích cực HNQT"⁽²⁾. Có thể nói, đây là một bước ngoặt thay đổi về chất và cũng là bước phát triển tất yếu trong chính sách đối ngoại của Đảng được xây dựng và phát triển trong suốt hơn 80 năm tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt sau 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám, trong *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai chính sách mở cửa hợp tác quốc tế của Chính phủ Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, trong đó vấn đề mở cửa về kinh tế được đặt lên hàng đầu. Người viết: "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành

^(*) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, HN. 2006, tr.112

⁽²⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.236

sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc⁽¹⁾. Đây có thể coi là tư tưởng đặt cơ sở cho việc hình thành đường lối HNQT của chúng ta sau này. Song, trong bối cảnh của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lúc đó, những tư tưởng này chưa thể trở thành chủ trương, chính sách về mở cửa và hội nhập một cách đầy đủ, mà chỉ được Đảng và Nhà nước ta áp dụng trong đường lối đối ngoại nhân dân, từng bước mở rộng, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, qua đó chúng ta đã tranh thủ được sự giúp đỡ có hiệu quả của nhân dân trên thế giới cả về vật chất và tinh thần, góp phần không nhỏ vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*, Đảng ta tiếp tục khẳng định tính tất yếu của sự phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại, đồng thời xác định: “đó là những đòi hỏi khách quan của thời đại. Đặc biệt đối với nước ta, từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn XHCN, việc tăng cường quan hệ phân công hợp tác, tương trợ về kinh tế, kỹ thuật với các nước XHCN anh em và phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác có tầm quan trọng rất lớn⁽²⁾”.

Những năm đầu thập niên 80 của thế

kỷ XX, trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh, vừa bị bao vây cấm vận, thế giới có sự đối đầu phức tạp giữa hai hệ thống chính trị, Đảng đã chủ trương mở rộng và tăng cường hợp tác với các nước XHCN, các nước láng giềng (Lào và Campuchia), tranh thủ mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế với nhiều nước khác trên thế giới. Chính sách đối ngoại của Đảng lúc này là: “Ra sức củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước XHCN anh em... sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực⁽³⁾”.

Bước vào thời kỳ đổi mới, đứng trước yêu cầu cấp bách phải đưa nền kinh tế nhanh chóng vượt ra khỏi khủng hoảng và thế bao vây cấm vận của Mỹ, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1986) đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Cùng với sự đổi mới về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là sự chuyển hướng trong chiến lược về kinh tế đối ngoại nhằm thu hút mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế đất nước, Đại hội chỉ rõ: “muốn kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế; trước hết và chủ yếu là với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng XHCN, đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi⁽⁴⁾”. Đi theo hướng này, Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành (năm 1987), đã tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi để Việt Nam mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, thu hút vốn, kỹ thuật, công nghệ nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế của đất nước.

Mặc dù khái niệm “hội nhập” chưa được chính thức đề cập trong văn kiện của Đại hội VI, nhưng những tư tưởng được nêu trong đường lối của Đảng đã thể hiện tầm

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb CTQG, HN. 1995, tr.470

(2) và (3) ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, HN. 1977, tr.95 và 178-179

(4) ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, HN. 1987, tr.87

quan trọng của việc kết hợp giữa đổi mới kinh tế trong nước với mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Đây là sự đổi mới mang tính đột phá trong tư duy của Đảng về hợp tác kinh tế quốc tế được hình thành trên cơ sở nhận thức sâu sắc những bài học thành công và chưa thành công trong hợp tác quốc tế thời kỳ trước đổi mới, những thua thiệt do bị cô lập, cấm vận và từ yêu cầu thực tiễn của công cuộc xây dựng nền kinh tế trong bối cảnh quốc tế mới.

Đầu những năm 1990, bối cảnh thế giới có những biến đổi sâu sắc, CNXH ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, CNTB hiện đại đã chứng tỏ những giá trị tích cực của nó về khoa học - kỹ thuật, trình độ quản lý... Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn xu thế tất yếu mở cửa, hợp tác kinh tế với nước ngoài, kể cả với các nước TBCN. Đứng trước những đòi hỏi cấp bách của tình hình quốc tế và kinh tế trong nước, Đại hội lần thứ VII (tháng 06/1991) của Đảng đã chủ trương thực hiện đường lối “đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”, mở ra bước đột phá trong tiến trình HNQT của nước ta. Trên cơ sở tổng kết thành quả bước đầu của sự chuyển hướng chiến lược trong quan hệ đối ngoại, đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng tiếp tục được rộng mở và khá toàn diện theo phương châm: “Việt Nam muốn làm bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”⁽¹⁾. Bằng việc xác định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại, Đại hội VII thực sự đánh dấu bước khởi đầu cho tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của

chúng ta trong bối cảnh quốc tế mới. Đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng tiếp tục được bổ sung, làm rõ và cụ thể hơn trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (ngày 26/09/1992) với chủ trương mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)...

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình quốc tế, khẳng định hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức thiết của các dân tộc và quốc gia trên thế giới; xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) đã xây dựng một số chính sách đối ngoại theo hướng tăng cường hợp tác quốc tế và hạn chế xung đột giữa các nước. Trong đó, xác định nhiệm vụ đối ngoại là “củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, CNH, HĐH đất nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội”⁽²⁾. Nguyên tắc HNQT được làm rõ hơn trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa VIII (ngày 29/12/1997) với phương châm chủ động và tích cực thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế.

Phát huy những thành quả đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Đại hội IX của Đảng (năm 2001) đã bổ sung, phát triển đường lối hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong đó xác định: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”⁽³⁾ nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH,

⁽¹⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, HN. 1991, tr.47

⁽²⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, HN. 1996, tr.120

⁽³⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb CTQG, HN. 2001, tr.91

HĐH theo định hướng XHCN trong những thập niên đầu thế kỷ XXI.

Quan điểm chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 07-NQ/TƯ ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị. Trong đó nêu rõ mục tiêu cũng như quan điểm chỉ đạo về hội nhập, đó là: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh CNH, HĐH theo định hướng XHCN, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, “kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước”⁽¹⁾.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã xác định bước đột phá về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại là: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác”⁽²⁾ và nhấn mạnh “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”⁽³⁾. Đây là bước phát triển mới và là sự cụ thể hóa hơn nữa chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đó là việc Việt Nam tham gia ngày càng sâu, rộng và hiệu quả vào các tổ chức khu vực và thế giới trên tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng

XHCN, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Trong tiến trình đó, Việt Nam xác định đặt ưu tiên cao và trước tiên cho việc hội nhập kinh tế quốc tế, bằng các hoạt động: mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và khoa học - công nghệ tiên tiến phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Đại hội lần thứ XI của Đảng diễn ra ngay sau khi kết thúc một năm Việt Nam là Chủ tịch luân phiên của ASEAN với nhiều thành công, quan hệ và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế đã có một bước tiến mới. Đây chính là sự thể hiện sinh động nhất của chủ trương HNQT một cách toàn diện, chủ động và có trách nhiệm của Đảng. Chính vì vậy, trong nội dung các văn kiện được Đại hội XI nhất trí thông qua, vấn đề hội nhập tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, toàn diện hơn. Chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác” của Đại hội X, đã có bước phát triển mới ở Đại hội XI, đó là “chủ động tích cực HNQT”. Chủ trương này được đánh giá là một sự thay đổi về chất trong chính sách đối ngoại của Đảng ta. Đến đây, HNQT không còn bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà được mở rộng ra ở tất cả các lĩnh vực quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội...

HNQT trên tất cả các lĩnh vực mang đến cho chúng ta nhiều cơ hội, nhất là khả năng tranh thủ hiệu quả hơn các nguồn lực bên ngoài. Cùng với hội nhập kinh tế, hội nhập trong các lĩnh vực khác sẽ tạo cơ hội lớn hơn đối với quá trình tiếp cận tri thức tiên tiến của nhân loại, gia tăng mức độ đan xen lợi ích, từng bước làm cho đất nước trở thành bộ phận hữu cơ của khu vực và thế giới, chiếm vị trí ngày càng cao trong nền kinh tế, chính trị và văn hóa toàn cầu. Mở rộng HNQT trên nhiều lĩnh vực đã tạo cho chúng

⁽¹⁾ ĐCSVN, Nghị quyết số 07/NQ-TƯ của Bộ Chính trị *Về hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb CTQG, HN. 2002

⁽²⁾ và ⁽³⁾ ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb CTQG, HN. 2006, tr.112 và 114

ta khả năng tận dụng được sự tác động qua lại, bổ sung lẫn nhau giữa hội nhập trong từng lĩnh vực. Tuy nhiên, từ hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực khác chuyển sang HNQT trên nhiều lĩnh vực đặt ra cho chúng ta không ít thách thức. Đó là: tác động tiêu cực từ các diễn biến bên ngoài sẽ gia tăng; những bất ổn không chỉ về kinh tế mà cả về an ninh, chính trị, xã hội từ bên ngoài sẽ nhanh chóng tác động tới nước ta; các loại tội phạm xuyên biên giới như: buôn bán ma túy, rửa tiền, tiền giả, tài liệu phản động, văn hóa phẩm không lành mạnh và các thách thức an ninh phi truyền thống khác có thể gây tác hại đến mọi mặt của an ninh quốc gia, từ an ninh kinh tế đến an ninh chính trị - xã hội. Phạm vi tác động, lây lan của các cú sốc từ bên ngoài cũng gia tăng. Đồng thời, yêu cầu bổ sung và hoàn thiện thể chế, cải cách và hiện đại hóa nền hành chính quốc gia, phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao... sẽ ngày càng lớn.

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực và khai thác tối đa các cơ hội trong quá trình HNQT, Báo cáo Chính trị của Đảng tại Đại hội XI đã nhấn mạnh yêu cầu về chất lượng, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trong tình hình mới. Đó là: “Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội

lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình HNQT”⁽¹⁾.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động đối ngoại của nước ta trong thời gian tới, nhiệm vụ đối ngoại được xác định tại Đại hội XI là: “Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, và nhất là tình trạng biến đổi khí hậu; sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam”⁽²⁾.

Có thể thấy, sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, từ nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và những vấn đề của xu thế toàn cầu hóa, Đảng ta đã xác định rõ chủ trương và thực hiện nhất quán đường lối HNQT, khu vực trên tinh thần chủ động và tích cực. Xuất phát từ thực tế phát triển của đất nước, những đặc điểm mới của tình hình thế giới và khu vực trong những thời điểm lịch sử khác nhau, chủ trương đó được hoàn thiện dần qua các kỳ đại hội. Sự hoàn thiện đường lối đối ngoại cho phép nước ta kết hợp một cách hiệu quả mọi tiềm năng, nguồn lực trong nước với những nguồn lực bên ngoài, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp quốc gia, góp phần giải quyết thắng lợi những nhiệm vụ của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. □

(1) và (2) ĐCSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, HN. 2011, tr.236 và 237

“Việt Nam sẽ giao dịch với tất cả các nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thật thà”

Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb CTQG, HN. 1995, tr.578